

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở VÙNG NGƯỜI KHMER: THÁCH THỨC CỦA SỰ NGHÈO ĐÓI, SINH KẾ VÀ DI CƯ

Ngày nhận bài: 11/11/2013

Ngày nhận lại: 13/12/2013

Ngày duyệt đăng: 30/12/2013

*Phạm Thanh Thôi*¹

TÓM TẮT

Quá trình xây dựng nông thôn mới ở vùng sông Cửu Long nói chung, vùng Khmer nói riêng, đang diễn ra trong bối cảnh cư dân “phân hóa giàu nghèo, chuyển đổi sinh kế và di cư ra khỏi cộng đồng” mạnh mẽ. Bài viết nhấn mạnh rằng, trong 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới² đang và sẽ thực hiện, chưa đảm bảo được rằng: cộng đồng, xã hội, văn hóa của nông thôn vùng sông Cửu Long sẽ được phát triển bền vững và có bản sắc. Theo đó, để tiếp cận vấn đề phát triển ở nông thôn và để có những hiểu biết nông dân trong bối cảnh hiện đại hóa kinh tế, các quan sát nghiên cứu cần phải tiếp cận liên ngành. Các dữ liệu được đưa ra phân tích cần chú ý nhiều hơn đến các dữ liệu định tính, thay vì tập trung vào các báo cáo thống kê, với các con số định lượng chưa làm rõ được bản chất và quá trình nảy sinh các vấn đề ở nông thôn và của người nông dân.

Từ khóa: Nông thôn mới, nông dân, nghèo đói, di cư, người Khmer.

ABSTRACT

New rural development program in Mekong Delta in general and in Khmer communities in specific has been implemented within the context of “large income gap, rapid economic transition and out-migration” of the people. The paper proposes that 19 current criteria of new rural development areas are unlikely able to ensure that rural society, culture, and communities in the delta will be developed sustainably and distinctively. Accordingly, in order to approach the issues of rural development and comprehend farmers in modern economic context, observations must be interdisciplinary. Data need to be qualitative rather than plain statistic figures because numbers seem to be unable to illuminate the nature as well as the process during which problems in rural areas and of the farmers in Mekong Delta emerged.

Keywords: New rural areas, farmers, poverty, migration, the Khmer.

¹ ThS, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM.

² Bộ tiêu chí Quốc gia về Nông thôn Mới, Ban hành theo Quyết định số 491/QĐ-Tg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, Việt Nam.

1. BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU

Ở Trà Vinh, một địa phương có tỉ lệ hộ *nghèo* và hộ *người dân tộc thiểu số* (Khmer) cao ở vùng sông Cửu Long³, đã và đang phát triển nền kinh tế hàng hóa, cạnh tranh theo qui luật kinh tế thị trường. Sản phẩm kinh tế nông nghiệp và đời sống của người nông dân đã chịu tác động mạnh mẽ từ sự thay đổi giá vật tư và giá bán các loại sản phẩm nông nghiệp do mình sản xuất ra (như lúa, cá, tôm, heo, gà, củ quả.v.v). Hiện nay, một tỉ lệ lớn sản phẩm nông nghiệp là dành cho sự tiêu thụ bên ngoài cộng đồng.

Hiện đại hóa kinh tế nông thôn, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi-cây trồng ở nông thôn, câu hỏi đặt ra: ai là người hưởng lợi sau sự chuyển đổi ấy? Thực tế rằng, trải qua những hạn chế về nguồn lực phát triển kinh tế trong bối cảnh kinh tế thị trường, người nông dân hay hộ gia đình Khmer đã phải thay đổi các chiến lược sinh kế đa dạng. Người Khmer đã không chỉ tập trung sự chú ý vào những thay đổi trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn hay cách làm thế nào để tăng năng suất trên một đơn vị diện tích đất canh tác, mà họ đã phải tính đến tất cả những phương thức mưu sinh khác nhau. Họ phải tính đến những sức ép và cơ hội trong hoạt động kinh tế nông nghiệp và phi nông nghiệp có tác động như thế nào đến cuộc sống và tương lai của con cái họ. Một điểm đáng lưu ý rằng người Khmer tại những điểm mà tôi điền dã nghiên cứu đã tỏ rõ sự ý thức về áp lực phải chuyển đổi sinh kế và di cư như là cách để cải thiện cuộc sống và thay đổi tương lai của họ. Các cá nhân và hộ gia đình đang chịu nhiều áp lực từ nguồn lực tài chính khan hiếm để trải qua quá trình chuyển đổi sinh kế nhằm thay đổi cuộc sống của họ.

Bối cảnh phát triển ở vùng Khmer trong 20 năm qua (mạnh mẽ kể từ năm 1995 đến nay) đã có hàng loạt các chương trình phát triển kinh tế-xã hội, xóa đói-giảm nghèo của chính phủ và địa phương (cụ thể như 135/CP, 132/CP, 134/CP, 167/CP.v.v) nhằm cải thiện điều kiện hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ y tế, giáo dục, vệ sinh môi trường ở các địa phương. Thế nhưng, đứng trước những áp lực từ nhu cầu của đời sống văn hóa, xã hội và sự thay đổi trong các quan hệ xã hội ở phạm vi dòng họ, cộng đồng và trong bối cảnh phân hóa giàu nghèo càng mạnh mẽ, khiến cho nhiều cư dân, nhất là những người trẻ tuổi mới lập gia đình không mấy quan tâm việc triển khai các chương trình xây dựng nông thôn mới. Ý thức về việc phải nỗ lực để thay đổi sinh kế, di cư khỏi đồng ruộng, thoát li nghề nông và tập quán văn hóa cộng đồng để cải thiện đời sống đang mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Hiện tượng này trở nên phổ biến trong hầu hết các hộ gia đình nông dân Khmer có người trong độ tuổi lao động “mà nghề chính là nông nghề” ở Trà Vinh mà tôi có dịp quan sát, phỏng vấn.

Quá trình tiếp cận số liệu thống kê đã cho tôi cảm nhận được về qui mô, tỉ lệ tăng của các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn như điện, đường, trường, trạm, nhà cửa, v.v năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên, báo cáo thống kê và báo cáo kinh tế-xã hội của các cơ quan hành chính cấp huyện và xã, thực tế, chưa quan tâm thích đáng đến những thay đổi theo thời gian của chiến lược sinh kế trong từng hộ/nhóm hộ gia đình và quan hệ xã hội giữa các giai tầng kinh tế ở địa phương. Đáng chú ý, các báo cáo kinh tế-xã hội thường bám víu vào số liệu để mô tả, nên hầu như không cho thấy được gì từ những động thái chuyển đổi trong các hành vi sản xuất

³ - Tổng số hộ nghèo chung của tỉnh Trà Vinh chiếm 16,64%, tương đương 43.326 hộ. Trong đó, số hộ nghèo dân tộc Khmer là 23.653 hộ, chiếm 54,59%. (Số liệu của Ban Dân tộc tỉnh Trà Vinh, tháng 1 năm 2013)

- Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, người Khmer ở Việt Nam có dân số 1.260.640 người, cư trú tập trung tại các tỉnh: Sóc Trăng (397.014 người, chiếm 30,7 % dân số toàn tỉnh và 31,5 % tổng số người Khmer tại Việt Nam); tại Trà Vinh (317.203 người, chiếm 31,6 % dân số toàn tỉnh và 25,2 % tổng số người Khmer tại Việt Nam), v.v (theo Tổng Cục Thống kê Việt Nam, 2009)

và tiêu dùng kinh tế, đặc biệt là những thay đổi về quan niệm sống và tiêu dùng văn hóa của cư dân nông thôn trong bối cảnh kinh tế thị trường.

2. XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI: THÁCH THỨC CỦA NGHÈO ĐÓI, THAY ĐỔI SINH KẾ VÀ DI CƯ

Đến ngày nay, sinh kế của các hộ gia đình nông thôn tại Trà Vinh phần nhiều có liên quan mật thiết với đất đai. Nhiều người quan sát về tình trạng nghèo đói ở vùng này đã nhận định rằng: nghèo đói ở nông thôn có nguyên nhân do người dân thiếu đất sản xuất. Thiếu đất ở nông thôn hiện nay có nhiều nguyên nhân, do nhà nước quy hoạch công trình công cộng, khu dân cư, nhà máy chế biến, đường sá, do doanh nghiệp/tư nhân (không làm nông nghiệp) thu mua “để dành”.v.v Hơn nữa, dân số nông thôn luôn tăng, cơ cấu dân số trẻ, số lượng các hộ gia đình trẻ kết hôn và tách hộ năm sau tăng vọt so với năm trước khiến cho đất đai dành cho sản xuất ngày càng thu hẹp. Theo đó, nghèo đói có liên quan với việc thiếu đất đai đã được nhìn thấy phổ biến, dễ quan sát được trong các hộ gia đình Khmer.

Trong hơn 10 năm qua, chính quyền địa phương ở Trà Vinh đã có nhiều giải pháp kinh tế và chính trị nhằm “cấp đất sản xuất cho người nghèo”. Và đến nay, quỹ đất khan hiếm và đã hết, đó là nhận định của những cán bộ trực tiếp thực hiện các giải pháp này. Thực tế, số hộ nghèo vẫn chiếm tỉ lệ rất lớn, đặc biệt là trong vùng có đông người Khmer sinh sống⁴.

Quan sát cộng đồng người Khmer ở Cầu Ngang và Cầu Kè tại Trà Vinh, tôi ghi nhận những quá trình chuyển dịch cơ cấu “vật nuôi - cây trồng” tại các ấp đã dẫn sự tái định hướng về sinh kế đang diễn ra sâu sắc. Trong truyền thống, người Khmer coi

kinh tế nông nghiệp trồng lúa và rau củ là phương thức sinh tồn chủ đạo. Tuy nhiên trong bối cảnh kinh tế, hiện đại hóa nông thôn, cùng với các giá trị của đời sống vật chất, văn hóa, quan hệ xã hội thay đổi, vị thế chủ đạo của kinh tế nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp. Nghề nông hiện trở thành một hoạt động trong số nhiều hoạt động kinh tế khác của nhiều hộ gia đình. Nó cũng là nghề dành cho người cao tuổi, ít có khả năng tham gia vào việc xuất cư. Tuy khó định lượng được rằng, khi người dân di cư đến các địa phương khác và không trực tiếp làm việc trên đất đai của họ thì sẽ mất đi địa vị xã hội là “nông dân” hay dân của địa phương. Nhưng rõ ràng, qua quan sát của tôi, khi những hộ gia đình di cư hay các cá nhân di cư, đã có một sự thay đổi cơ cấu xã hội đáng kể xét trong phạm vi cộng đồng (làng/ấp), thân tộc, dòng họ, gia đình. Đề duy trì “nhà cửa” và “tổ tiên”, hoạt động kinh tế nông nghiệp trở nên cầm chừng và chủ yếu thông qua sự thuê mướn lao động. Phần lớn các hộ gia đình đã dựa vào nguồn tiền có được từ việc cho thuê đất và tiền công làm từ các ngành nghề phi nông nghiệp khác. Theo nhiều người Khmer, người giàu có hiện nay ở ấp “chẳng phải tài giỏi gì đâu”, chủ yếu dựa vào con cái di cư đi làm ăn xa “trên thành phố” hay “Bình Dương”, “Long Khánh” gửi tiền về. Nông thôn ngày thường vắng thanh niên, ngày lễ tết mới sầm uất, khi ấy họ trở về nên hàng hóa được bán mua nhiều, xe cộ đi lại và ăn uống, viếng thăm nhiều hơn.

Đến vùng nông thôn người Khmer hiện nay, không khó để nhận diện những diễn biến trong hành vi kinh tế và các quan hệ xã hội được biểu lộ qua các giá trị vật chất, cân đo đong đếm bằng tiền. Hệ quả là sự tái định hướng sâu sắc về sinh kế vượt ra khỏi phạm trù đất đai, nghề nông

⁴ - Ở huyện Châu Thành, năm 2011 người Khmer chiếm 34% dân số, nhưng nếu tính chung cả hộ nghèo và cận nghèo thì chiếm đến 61,24%, tương ứng với 6.718 hộ/10.970 nhân khẩu (UBND huyện Châu Thành, 2012)

- Tại huyện Trà Cú, tỉ lệ dân cư là người Khmer chiếm trên 60% tổng dân số. Thống kê trong quý II năm 2011, số hộ nghèo và cận nghèo chiếm đến 49,34%, trong đó chủ yếu là dân tộc Khmer.

truyền thống nay được coi là có nhiều rủi ro “được mùa rớt giá” và thu nhập thấp.

Cơ hội di cư do mạng lưới giao thông, liên lạc được mở rộng, thanh niên hay trung niên (có hay chưa có gia đình) một khi đã di cư thì chưa tính gì đến việc sẽ quay lại với nông thôn và nghề nông. Quan niệm sống và lối sống của họ sau di cư trở về, ít nhiều cũng làm thay đổi các giá trị của nghề nông trong sự quan sát và cảm nhận của những người trẻ tuổi chưa từng di cư. Những quan niệm về cuộc sống, cách tiêu dùng và ứng xử văn hóa, nhất là ở những người trẻ tuổi cũng khiến cho những người cao tuổi, gắn bó lâu đời với ruộng đồng cũng chạnh lòng và tủi thân cho công việc “làm nông” của họ. Một sự chuyển dịch với qui mô lớn về sinh kế biểu hiện qua quá trình di cư đi làm ăn xa của người Khmer ở ấp Bà My (Cầu Kè) và Sóc Giúp (Cầu Ngang). Tại nơi đây, những người là nông dân đang già đi, người trẻ thì có xu hướng ít tham gia các hoạt động kinh tế nông nghiệp và tổ chức đời sống xã hội ngay tại quê hương của mình. Theo đó, ai sẽ là những chủ nhân tạo dựng đời sống kinh tế - xã hội trong quá trình xây dựng nông thôn mới?

Hiện đại hóa kinh tế, xã hội vùng nông thôn, nông dân di cư và chuyển đổi sinh kế là điều được dự đoán. Nhưng điều đáng chú ý, đến nay vẫn chưa có những nghiên cứu và phân tích thỏa đáng đến những tác động của những tiến trình này đến đời sống văn hóa, xã hội ở nông thôn và của các hộ gia đình nông dân, v.v những phạm trù cơ bản mà chương trình xây dựng nông thôn mới ắt phải quan tâm.

3. HIỆN ĐẠI HÓA KINH TẾ Ở NÔNG THÔN: QUAN SÁT TẠI HAI CỘNG ĐỒNG NGƯỜI KHMER

Trong phần này, tôi trình bày về sự chuyển đổi “vật nuôi, cây trồng” - một cách để “làm giàu” và hiện đại hóa kinh tế ở nông thôn - và sự tiếp cận của người Khmer. Theo đó, những hệ quả như là sự phân hóa giàu nghèo, thay đổi lối sống, thay đổi chiến lược sinh kế và di cư (“li nông” lẫn “li hương”) của nhiều hộ gia đình Khmer đã gia tăng đột biến. Và thực tế, tôi đã coi những hiện tượng xã hội nảy sinh ấy chính là những thách thức không nhỏ với *chương trình xây dựng nông thôn mới* đang và sẽ triển khai ở vùng sông Cửu Long, nơi có nhiều người Khmer sinh sống. Dữ liệu trình bày trong phần này được tổng hợp từ 2 đợt điền dã quan sát tham sự và phỏng vấn bán cấu trúc vào hai đợt, tháng 5 năm 2010 tại ấp Bà My (huyện Cầu Kè⁵) và tháng 5 năm 2011 tại ấp Sóc Giúp (huyện Cầu Ngang), Trà Vinh.

3.1. Tại Sóc Giúp: từ trồng lúa sang nuôi tôm

Ấp Sóc Giúp thuộc xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang⁶, Trà Vinh. Hơn 10 năm trước, đồng bào Khmer ở Sóc Giúp sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước và đánh bắt thủy hải sản ở khu đồng mặn ven bờ biển (khu vực sông Bến Chùa). Nghề trồng lúa nước, cư dân chủ yếu làm ở cánh đồng ngọt với diện tích khoảng 225ha; còn cánh đồng mặn (vùng ven biển, đất nhiễm mặn theo mùa) có diện tích khoảng 116ha, cư dân trồng được 1 vụ lúa và đây cũng là nơi đánh bắt được nhiều cá, tôm, ...theo từng con nước.

⁵ Tại huyện Cầu Kè, 2011, người Khmer chiếm 32,62% (tương ứng với 35.714 người)

⁶ Cầu Ngang là một huyện nằm trong vùng ngập mặn, ven biển của tỉnh Trà Vinh, có bờ biển dài hơn 10 km. Qua triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X), diện mạo nông nghiệp, nông thôn và đời sống vật chất, tinh thần nông dân ở huyện Cầu Ngang có bước phát triển khá toàn diện. Nền nông nghiệp phát triển ổn định và có xu hướng tái sản xuất theo chiều sâu, bộ mặt nông thôn ngày một “thay da đổi thịt”, đời sống vật chất, tinh thần nông dân được nâng lên rõ nét. Toàn huyện có trên 2.500 ha sản xuất theo mô hình luân canh lúa - tôm (lúa - tôm càng xanh, lúa - tôm sú), 2.600 ha chuyên canh tôm, 1.270 ha 2 vụ lúa - 1 vụ màu, 502 ha 2 lúa - 2 màu, 344 ha 2 màu - 1 lúa và 330 ha chuyên canh màu. Từ đó, đưa giá trị sản xuất nông nghiệp tăng trưởng trung bình 8,34%/năm; thủy sản là 9,41%. (Nguồn <http://www.monre.gov.vn>, trong bài: Trà Vinh: Phát triển “tam nông” ở vùng ngập mặn, ven biển Cầu Ngang, ngày 14/3/2011)

Thế nhưng, từ 10 năm nay, khi đập đập ngăn mặn cho cánh đồng ven biển⁷, cư dân không những không trồng được 2 vụ lúa và 1 vụ màu, mà thực tế đã để đất hoang khá nhiều. Nguyên nhân này, được người dân giải thích rằng: “từ khi có đập ngăn mặn ở sông Bến Chùa, cánh đồng này không đủ nước ngọt lên xuống như dự tính nên phèn theo đó trôi lên, không ai xử lý nổi. Khi ngăn nước mặn thì cá tôm trong đồng cũng chẳng còn, đất lúa dần trở thành đất hoang, chỗ cho chim đẻ!”⁸

Theo nhiều người Khmer, khi chưa có đập ngăn mặn, cư dân làm một vụ lúa, còn thời gian khác trong năm, đồng này có nhiều cá tôm nên ai cũng sống khỏe. Lúc ấy, đi vài ba giờ, ai cũng có thể bắt được rất nhiều tôm thẻ, cá kèo, cá đối, cua biển, cá ngát... Ngày xưa, ai đặt Sà Ngom (dụng cụ bắt cá của người Khmer) để bắt cá tôm, 1 đêm cũng kiếm được 50 đến 100 ngàn đồng. Nhiều người trong ấp vẫn nói “ngày trước cá tôm ăn không hết. Ai có ruộng từ 5-10 công, khi làm 1 vụ thì đủ gạo có ăn quanh năm. Khi ngăn mặn thì mỗi nhà mỗi cảnh, những người có ruộng *đồng ngọt* (ruộng có nước ngọt) mới có lúa ăn,”⁹.

Những khó khăn trong quá trình sản xuất lúa và kiếm sống kiểu “mò cua bắt ốc” của cư dân đồng mặn ở Sóc Giup đã diễn ra. Từ thực tế đó, dự án đã chỉnh sửa đập và cống để điều tiết nước mặn lên xuống trong đồng. Khi đồng có nước, một số hộ Khmer bắt đầu vay vốn đầu tư chuyển ruộng thành ruộng để nuôi tôm.

Từ năm 2002, ngân hàng ở địa phương bắt đầu cho dân có đất ở đồng mặn vay vốn nuôi tôm. “Có đến 70% số hộ có ruộng tham gia vay vốn của ngân hàng,

người ta không trồng lúa nữa, nhiều nhà nuôi gà nhưng gà còn không biết ăn lúa, vì họ mua gạo chợ ăn”⁶. Mặc dù, số lượng vay nợ ngân hàng khá nhiều, nhưng trên thực tế số lượng đầu tư nuôi tôm không có nhiều. Ông Thạch Xanh cho rằng, “việc đầu tư ruộng tôm tốn rất nhiều tiền, ngân hàng cho vay 10-15 triệu đâu có làm đủ, nhiều hộ sử dụng tiền đó vào việc khác, đất vẫn bỏ hoang đến nay, họ chủ yếu đi làm mướn kiếm ăn”¹⁰.

Quá trình tiếp cận với công việc nuôi tôm đã có sự khác nhau giữa các hộ trong cộng đồng người Khmer, chẳng hạn như:

Trường hợp 1:

Hộ ông Thạch Danh (61 tuổi), “ngoài vợ chồng, nhà có 6 người con, 2 gái, 4 trai, 2 đứa gái đi thành phố làm nghề may. Nhà chủ yếu làm ruộng, nhưng mùa nắng 2 công ruộng ở đồng mặn không có nước. Nhà không nuôi tôm vì không có vốn đầu tư. Hơn nữa, tôm cũng may rủi, dễ lỗ. Thỉnh thoảng có người được thì lời nhiều, không thì lỗ rất nặng. Không còn trẻ, lại không có tiền không dám vay mượn thêm sợ không trả được”¹¹.

Trường hợp 2:

Hộ ông Lâm Vương (54 tuổi), “nhà có 3 đứa con, 2 đứa đã đi Bình Chánh làm công nhân. Hiện có 8 công ruộng ở đồng mặn, ruộng lên còn lại 5 công mặt nước, bờ ruộng lớn chiếm hết 3 công. Hiện nhà thả nuôi 30 ngàn con tôm, mới được 1 tuần nay. Mua tôm giống loại 28 ngàn/1 ngàn con, tổng cộng hết hơn 1 triệu. Trước đây, nhà làm ruộng nhưng nước mặn và phèn quá làm ruộng không được nên nuôi tôm, đến tháng 6,7 lại làm lúa. Ruộng nhà được

⁷ Mục tiêu của dự án ngăn mặn, ngọt hoá đồng ruộng (trên địa phận các xã giáp biển thuộc huyện Cầu Ngang) là để các cánh đồng ven biển như ở Sóc Giup sản xuất được 2 vụ lúa và 1 vụ màu (Theo ông Thạch Nhà, Sóc Giup, ngày 25/05/2011).

⁸ Theo ông Thạch Nhà, PV ngày 25/05/2011.

^{9,7} Theo bà Thạch Thị Pha, PV ngày 27/05/2011.

¹⁰ PV ngày 27/05/2011.

¹¹ Trích lược PV ngày 27/05/2011.

5 công, ở trên cao thì có thể làm 1 vụ lúa. Vay nhà nước 20 triệu để đầu tư, nuôi tôm lời đã trả được, còn nợ lại 3-4 triệu. Năm rồi trúng tôm vụ, 30 ngàn con nuôi trong 3 tháng lời được 7 triệu. Vụ tôm năm nay thì lỗ 2 triệu, bây giờ mới thả lại và trồng ớt thêm trên bờ hồ để kiếm ăn thêm"¹².

Trường hợp 3:

Hộ Thạch Thị Mi, “Từ khi đồng nước mặn không làm lúa được, đồng nước ngọt có 2 công mà cũng ngập hoài, không khai nước được nên mới đây cho người ta thuê, mỗi công lấy khoảng 150kg lúa. Gia đình bắt đầu nuôi tôm được 4 năm, 3 năm trước tổng cộng lỗ mười triệu, còn năm vừa rồi không nuôi. Nhưng năm rồi lại thấy người ta trúng nên năm nay liều nuôi lại. Cha mẹ bên chồng cho 5 công đất nước mặn, 2 công đất nước ngọt. Nuôi tôm lần này vét lại hồ hết 2 triệu, tôm nay được 3 tháng rồi, thấy người ta nói là được nhưng không biết sao. Lần này mua tôm giống loại 40 ngàn con/2 triệu, loại này tốt hơn những lần trước. Lần này phơi hồ, rải vôi (500 ngàn), thuốc cá chết (100 ngàn), rồi mới cho nước sông vào, mới thả tôm. Lúc đầu cho tôm ăn hai ngày 2 lần. Hiện tại tôm 3 tháng ăn 1 ngày 5 lần. Thức ăn 1 bao hơn 600 ngàn, cao hơn mấy năm trước. Tất cả thức ăn nhà mua thiếu ở đại lý trong ấp. Hiện cũng có kiêng như: người xa lạ không cho coi tôm, đàn bà đang bị không được xuống hồ. Còn cúng thì khi mới thả, hoặc hứa tôm được 2 hay 3 tháng thì mình sẽ cúng vịt, gà"¹³.

Trường hợp 4:

Hộ bà chị Thạch Thị Tha (31 tuổi) “Sau khi cưới nhau, hai bên nội ngoại cho 2 công ruộng, nuôi tôm được ít để dành mua đất, rồi nhà nước cất cho nhà tình thương (cách nay 6 năm). Ruộng tôm hiện

có máy bơm nước, đó là tiền vay nhà nước 7 triệu, được 3 năm rồi. Nhà nuôi tôm toàn vay mượn tiền trước để cho tôm ăn. Ruộng tôm ở gần nhà nên không làm chòi. Vụ rồi trước khi thả tôm: vét hồ hết 1 triệu sau đó giết cá, bỏ vôi (1/2 tháng) rồi ngâm nước sông trong mấy ngày. Rồi lên xã Hiệp Mỹ mua tôm loại 1000 con giá 22.000 (loại rẻ) về thả. Nghề nuôi tôm ở đây có từ khoảng 6-7 năm. Đầu tiên nhà nuôi cá sau đó thấy người ta nuôi tôm lời nên nuôi theo. Năm nay, từ tháng 7 đến tháng 10 nuôi cá phi, cá trắm cỏ, cá chim, sau đó rửa hồ và qua tháng 11 nuôi tôm trở lại. Trong thời gian nuôi, vợ chồng có đi mò cá kiếm tiền, thỉnh thoảng ai kêu mượn thì đi kiếm tiền ăn thêm"¹⁴

Trường hợp 5:

Hộ bà Kim Thị Sa Mi (36 tuổi) “vợ chồng nuôi tôm, chồng có chạy xe ôm và làm phụ hồ kiếm thêm. Vợ nấu rượu lấy hèm cho nuôi heo, 3 con heo nái, 6 con heo thịt. Cách nay 12 năm, khi chưa đập đập, có trồng một vụ lúa/1 năm. Lúc đó có 1,5 công do cha chồng cho, nhưng khi có đập thì đất để không. Sau này, người ở gần đó cũng không làm lúa được nên bán cho mình, bán heo để dành mua thêm 8 công nữa mới nuôi tôm. Trước khi nuôi tôm, vợ chồng có đi nghe lớp tập huấn của xã về nghề nuôi tôm. Gia đình đang vay nhà nước 10 triệu (cách 5 năm). Việc nuôi tôm mới 2 năm thôi. Năm nay đã thả tôm được hơn 2 tháng, thức ăn mình mua thiếu, còn vốn đầu tư đến giờ tốn 33 triệu (vét hồ 17 triệu, 2 ống cống hết 2 triệu ba, hai máy bơm nước D6 hết 10 triệu, hơn 2 triệu tiền giống mua 70 ngàn con tôm (loại thường).v.v). Vay mượn đầu tư nhiều cho con tôm cũng rất lo!"¹⁵

¹² Trích lược PV, ngày 28/05/2011.

¹³ Trích lược PV ngày 26/7/2011.

¹⁴ Trích lược PV ngày 27/05/2011.

¹⁵ Trích lược PV ngày 28/05/2011.

Trường hợp 6:

Hộ bà Thạch Thon (54 tuổi), “Nhà được xét hộ nghèo nên được xây nhà (nhà là cột bê tông) được 6-7 năm nay. Có 5 công ruộng đồng mặn của nhà chồng cho, trước làm lúa nay nuôi tôm. Vụ này nuôi 15.000 con, nay tôm được 2 tháng. Vụ trước được hơn 2 tháng nhưng rồi bị hư, gần như là huê vốn, chỉ lời được 500 ngàn. khoảng 4-5 triệu. Lúc đầu nuôi tôm có vay tiền 10 triệu của ngân hàng và vay thêm 3 triệu diện hộ nghèo, sau nhiều lần lỗ thì phải bán con bò để trả tiền vay. Bây giờ 1 công đất nước mặn khoảng mười mấy triệu, rẻ hơn đất đồng ngọt. Việc nuôi tôm được hay không là do thời tiết. Khi mưa nhiều nước đục, nhiều phèn nên phải tốn tiền mua vôi để hạ phèn (vì phèn gây ảnh hưởng đến tôm). Khi trời nắng, nước ít cũng phải tát nước vào thêm, nếu nước quá trong hay quá đục cũng không được, phải để nước vừa. Hiện tại, có máy bơm, 1 số lần đầu tôm thất là do vậy. Với những người nuôi tôm nhiều, nuôi kiểu nhà nước, người ta có cho thuốc, cho chuối chín vào thức ăn cho tôm hoặc thêm lòng đỏ hạt gà (vịt)...”¹⁶.

Trường hợp 7:

Hộ ông Kim Chiéc (62 tuổi), “nhà có 15 công đất nuôi tôm, đất được cha vợ cho 10 công, vợ chồng mua thêm 5 công, năm 2000. Khi ruộng không làm lúa được, cán bộ thủy sản đến họp dân, tư vấn cách nuôi, ngân hàng có cho vay vốn. Năm 2003, vay của Ngân hàng Nông nghiệp 10 triệu, lãi suất 0.5%/1 năm. Việc nuôi tôm có khi được, khi thất. Có vụ lời được 4-5 triệu hay 9-10 triệu. Năm rồi lời được 25 triệu. Chủ yếu nuôi thả lang, không đầu tư được như người Kinh. Nhà này, ở đây họ nói là giàu, nhưng thất vài vụ tôm là hết sạch.

Tôm nuôi được bán cho xí nghiệp, ít khi bán cho thương lái ở ngoài. Tuy giá thấp hơn chút, nhưng bán dân buôn cân đối rất mệt.”¹⁷.

Quá trình người Khmer tiếp cận với việc nuôi tôm, thực tế cũng đa dạng. Với hộ có nhiều đất, có ít vốn thì đã vay vốn nuôi tôm khá sớm. Còn đa phần, các hộ ít đất và không có vốn đã bắt chước và bị động làm theo. Việc trồng lúa và đánh bắt cá không còn đủ sống, nếu được vay mượn nhiều hộ cũng làm. Với những hộ được cha mẹ cho ít đất, khi tách hộ, còn trẻ, họ bỏ đất hoang, hoặc bán đất cho những người nuôi tôm bên cạnh, sau đó “làm thuê làm mướn” ở nhiều nơi để mưu sinh. Những hộ không đất, ngày trước kiếm sống bằng nghề “mò cua, bắt ốc”, nay đa phần họ đã đi Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long Khánh (Đồng Nai) để tìm việc làm.

Ở Sóc Giúp hiện nay, những hộ người Khmer có tôm, có lúa được xếp vào hộ khá. Hộ có tôm mà không lúa, được coi là chưa ổn định, tương tự như những hộ bỏ nhà đi làm nơi thành phố. Những hộ không đất, phần nhiều được coi là hộ nghèo! Cuộc mưu sinh bằng các nghề “lao động tự do”, dù ở nơi đâu, cũng bị coi là những người chưa có cuộc sống ổn định.

Đặc thù của nghề nuôi tôm luôn đòi hỏi vốn đầu tư và kỹ thuật nuôi. Nên ở Sóc Giúp đã có “người lạ” từ các địa phương khác đến thuê đất nuôi tôm, họ nuôi 5-7 vụ khi đất còn mới, khi đất hết chất thì trả lại. “Khi ruộng đã thành ao, việc làm lúa của nhiều hộ gia đình sau đó gặp nhiều khó khăn. Nhiều người không có tiền để sang sửa ao trở lại thành ruộng. Hơn nữa, trong quá trình nuôi tôm, những “người lạ” đến nuôi tôm họ cũng ít khi thuê lao động ở Sóc Giúp. Có lẽ vì họ luôn sợ nếu thuê lao động có nhà ở gần, khi tôm lớn dễ mất cắp”¹⁸.

¹⁶ Trích lược PV ngày 26/9/2011.

¹⁷ Lược trích PV ngày 28/05/2011.

¹⁸ Lược trích ý kiến của ông Thạch Nhà, PV ngày 25/05/2011.

3.2. Tại ấp Bà My: từ trồng lúa sang trồng cam

Ấp Bà My thuộc xã Hoà Ân¹⁹, huyện Cầu Kè²⁰, Trà Vinh. Trước năm 2000, các hộ gia đình người dân Khmer vẫn chủ yếu sống bằng trồng lúa nước. Trong chừng 10 năm nay, số có đất vườn trồng bưởi, nhãn, dứa có nhiều hơn. Đáng chú ý, từ năm 2005 đến nay, diện tích đất ruộng của người Khmer tại ấp đã được người Kinh ở trong và ngoài ấp thuê trồng cam khá lớn. Theo thống kê của Ban nhân dân ấp, hiện có trên 150ha đất ruộng lúa đã chuyển sang trồng cam sành (tháng 5/2010). Cũng theo ý kiến của cán bộ ấp Bà My, “dự kiến chừng 5 hay 10 năm nữa, diện tích trồng cam của ấp có thể lên đến 2/3 tổng số diện tích đất ruộng”²¹.

Theo nhiều người, quá trình chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng cam ở Bà My diễn ra sau và chậm hơn các địa phương khác (xã, ấp) trong vùng. Trồng lúa vốn là cây lương thực truyền thống từ bao đời nay của bà con đồng bào Khmer. Tuy được tập huấn, nhưng việc trồng cam, trồng đậu, trồng bưởi,... hay các loại cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày khác luôn đòi hỏi nhiều vốn và kỹ thuật chăm sóc, vẫn chưa phải là thế mạnh của người dân Khmer ở Bà My.

Việc trồng cam trên ruộng lúa chỉ có người Kinh. Lúc đầu người Kinh chỉ trồng cam trên đất ruộng của mình. Nhưng vài năm sau đó, họ thuê ruộng của người Khmer xung quanh để mở rộng diện tích²².

Chẳng hạn như ông Nguyễn Văn Tùng (tổ 4), lúc đầu làm 4,5 công, hiện đã thuê đất thêm của ông Thạch Sưa (5 công), ông Chà (2 công), ông Lành (2 công).v.v đến nay đã có gần 20 công đất trồng cam.

Từ năm 2005, lúc đầu một số người trong ấp và nơi khác đến thuê đất của người Khmer ở tổ 4 và tổ 5 để trồng cam. Gần đây, người thuê đất mở rộng phạm vi đến các tổ. Hầu hết những người đến thuê đất là những người có kinh nghiệm trồng cam nhiều năm và đặc biệt là có vốn đầu tư.

Người thuê đất trồng cam thường sẽ làm hợp đồng thuê trong 6 năm. “Mỗi 1 công là 2 triệu đồng cho 1 năm. Khi làm hợp đồng thuê, người thuê đất sẽ đặt tiền 50% (tính trên tổng diện tích và và số năm thuê), và khi cây cam được trồng 2 năm, người thuê sẽ đưa hết số tiền 50% còn lại. Giá cả thuê đất trồng cam này được những người ở xã Tam Ngãi, An Phú Tân, Hòa Tân, Thông Hòa,... đưa ra và giữ giá”²³.

Trong đời sống kinh tế của người Khmer tại ấp Bà My, việc cầm cố đất đã diễn ra khá phổ biến. Nhiều hộ gia đình trồng lúa thua lỗ, con cái ông bà bệnh tật, cưới hỏi, tang ma v.v làm người đã cầm cố đất để có khoản tiền lớn lo chi phí. Trong truyền thống đó, việc cho thuê đất được giá cao hơn với người trồng cam cũng là việc bình thường²⁴. “Nhiều người cũng có ý định cho thuê, vì nếu tự làm thì không có đủ khả năng. Chỉ riêng tiền thuê nhân công chuyển 1 công đất ruộng lúa thành đất trồng cam, ít nhất cũng tốn khoảng 3

¹⁹ Xã Hoà Ân hiện có khoảng 30% số hộ dân là hộ nghèo (năm 2001 là 49%). Diện tích đất là 2097,8ha, chủ yếu là đất nông nghiệp, chuyên trồng lúa. Xã có 2233 hộ, với 10176 khẩu, trong đó 60,05% là đồng bào dân tộc Khmer. Từ năm 2001 đến nay, xã đã làm được 500 căn nhà tình thương.

²⁰ Huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh trên 30% dân số là người Khmer. Hơn 10 năm qua, từ nguồn vốn CT 135, huyện đã xây dựng được 49 công trình về cơ sở hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn, xã có đông người dân tộc Khmer.

²¹ Theo ý kiến của ông Nguyễn Văn Hương, Phó bí Thư, Trưởng Ban nhân dân ấp Bà My, trích PV ngày 20/05/2010

²² Ở xã Tam Ngãi, giáp ranh ấp Bà My, người Kinh đã trồng Cam trên ruộng lúa cách đây 7-8 năm rồi, hiện chiếm đến 80% tổng diện tích.

²³ Ý kiến của ông Nguyễn Văn Tùng, trích PV ngày 19/5/2010.

²⁴ Ở Bà My, hộ ông Thạch Thiếp cho thuê 4,5 công; hộ ông Thạch Sưa cho thuê 5 công; hộ ông Kim Mến cho thuê 4 công; hộ ông Thạch Kiện cho thuê 3 công; hộ Thạch Thị Summia cho thuê 5 công; hộ ông Thạch Yêm cho thuê 5 công; hộ Kim Thị Lương cho (người Bến Tre) thuê 5 công.v.v.

triệu đồng. Tiền giống, phân, thuốc, nhân công,... kéo dài trong 2 năm, với người ít tiền không thể làm nổi”²⁵. Nhưng theo ông Thạch Sól, “với người giàu thì đầu tư cam sẽ là tí phú. ông Dương Văn Minh (tổ 6) mới trồng 6 công, năm rồi thu được hơn 1 tỉ đồng. Hơn thế, khi trồng cam 2 năm đầu có trồng xen canh vào đất các loại đậu xanh, cà tím, bắp,.. nghe đâu cũng được 5 triệu/1 công”²⁶.

Người Khmer ở Bà My biết đất ruộng của mình có thể trồng cam được. Biết trồng cam là lời hơn gấp nhiều lần lúa, “1 công trồng cam cháp 10 công làm lúa”, những để làm được với họ thì không dễ. Trồng cam rất tốn công, phải biết kỹ thuật chăm sóc, phải có thuốc phòng trừ sâu bệnh, phải có nơi bán.v.v, nhưng cái chính với họ là phải có hàng chục triệu đồng trong tay mới làm được.

Theo ông Thạch Thiếp (tổ 6), người cho thuê 6 công đất (tháng 5/2010) nói, “làm lúa chưa tính công của mình, 1 công không dễ kiếm lời được 2 triệu đồng. Trồng cam thì không có vốn làm, cho thuê vừa được tiền, còn lao động ở nhà đi kiếm việc khác làm thêm. Nhà cho thuê đất lấy tiền xây nhà dưới, sửa lại chuồng heo và giếng nước. Con cái thì đi thành phố, vợ chồng ở nhà ai kêu gì mần đấy!”²⁷.

3.3. Phân hóa giàu nghèo, thay đổi sinh kế và di cư

Quá trình tiếp cận với việc trồng cam của người Khmer tại Bà My và tiếp cận nghề nuôi tôm ở Sóc Giúp cũng khó khăn như nhau. Trên đồng ruộng ở Bà My bây giờ có nhiều vườn cam, nhưng chưa có vườn cam của người Khmer (họ chỉ trồng bưởi/nhãn ở vườn nhà). Như bao người Khmer khác ở Sóc Giúp (được tập huấn kỹ thuật

nuôi tôm), người Khmer Bà My cũng được tập huấn kỹ thuật nuôi trồng (các loại cây trồng như cam, bưởi, nhãn, sầu riêng,...) nhưng khác là họ không được triển khai. Người Khmer ở Bà My chỉ có đất, không có vốn. Hơn nữa, “nhà lắm người, người ta sợ vay mượn nếu trồng cây bị thua lỗ thì sẽ chẳng còn đất mà ở”²⁸!

Với những hộ chưa cho thuê đất, việc làm lúa bây giờ gặp không ít khó khăn. Khi có vườn cam bên cạnh, ruộng lúa bị mất nước (vì nhà vườn lên líp, vét mương), sâu rầy, chim chuột từ đó sang hại lúa từ khi mới gieo sạ đến khi lúa chín trở nên rất nhiều. Có hộ chẳng may, nếu người trồng cam đã trồng hết 4 bên, ruộng lúa ở giữa chẳng những làm lúa không đạt mà muốn cho thuê cũng chẳng ai muốn. Theo kinh nghiệm của người trồng cam, vườn cách vườn cần có khoảng trống để cam không lây bệnh và có đủ nắng gió mới phát triển tốt.

Về việc cho thuê đất, vấn đề xảy ra ở Bà My cũng có những điểm tương đồng với Sóc Giúp. Những hộ có ít đất, nếu không cho thuê thường sẽ phải bỏ hoang. Việc trồng lúa không còn thích hợp trong điều kiện xung quanh có các loại “cây trồng, vật nuôi” khác. Cũng như Sóc Giúp, người Khmer ở Bà My hiện đã lo ngại đến 5-6 năm sau, khi nhận lại đất. Đất lúc ấy đã thành luống, thành hàng. Góc cam sâu và to cũng đâu dễ phá bỏ. Mầm sâu bệnh tích tụ trong đất, nếu muốn trồng lại lúa thì chủ đất phải đầu tư khá nhiều công sức và tiền bạc. Quá trình cải tạo đất được dự báo chắc chắn không phải dễ dàng. Ở Sóc Giúp, đứng trước “các khó khăn cho việc cải tạo ruộng ao lại thành ruộng, có người đã bán đất”²⁹.

²⁵ Ý kiến của ông Thạch Chên, trích PV ngày 18/5/2010.

²⁶ Trích PV ngày 17/5/2010.

²⁷ Trích PV ngày 18/5/2010.

²⁸ Theo ý kiến của ông Thạch Như, PV ngày 17/5/2010.

²⁹ Theo ông Thạch Sa Bay, PV ngày 28/05/2011.

Trong 10 năm qua, ấp Sóc Giúp và Bà My đều được nhà nước đầu tư phát triển theo các chương trình 135/CP; 134/CP, Quyết định 167 của Thủ tướng Chính phủ.v.v. Tuy mô hình kinh tế nông nghiệp có sự khác nhau, nhưng theo số liệu thống kê tại Bà My (5/2010), số hộ nghèo 167/409 hộ³⁰ và ở Sóc Giúp (5/2011)³¹ thì có 228 hộ nghèo/386 hộ (98% là hộ người Khmer). Đáng chú ý, theo dõi danh sách hộ nghèo, số hộ nghèo phát sinh trong 3 năm qua tại 2 ấp, người là chủ hộ nghèo có độ tuổi dưới 30 tuổi luôn chiếm trên 70%. Những gia đình trẻ là thế hệ thứ hai của gia đình nghèo hoặc cận nghèo (chủ yếu do thiếu đất, bệnh tật, con đông còn nhỏ) nay lập gia đình tách hộ, phần nhiều trong số họ là những hộ nghèo mới. Họ là những hộ nghèo chỉ có đất của cha mẹ cho vừa đủ chỗ để cất nhà tình thương, không có đất sản xuất, hoặc có ít, nhưng không có vốn để theo đuổi mô hình kinh tế mới như trồng cam, nuôi tôm, chủ yếu sống bằng nghề lao động chân tay đơn, nếu ở địa phương ai kêu gì mần đó. Lắm người trong số họ, đã đi thành phố, họ làm công nhân.

Theo số liệu thống kê của Ban Nhân dân ấp Sóc Giúp (5/2011), ở ấp có khoảng 700 người trong độ tuổi lao động, thì có đến 500 người di cư đi làm ăn xa. Những hộ nuôi tôm, gia đình trẻ chiếm tỷ lệ cũng cao, nhưng chưa phải nhiều so với danh sách hộ nghèo của ấp. Những gia đình có đất nuôi tôm nhiều, công việc này chỉ do cha mẹ đảm trách. Giống như nhiều thanh niên ở Bà My, dù cho nay cha mẹ nuôi con gì, trồng cây gì, những loại công việc đó không giữ chân họ lại được. “từ 5 năm nay, thanh niên và các gia đình trẻ ở Sóc Giúp đi thành phố (như Bình Dương, Long Khánh, TP.HCM, Long An,..) gần hết” (đó là ghi nhận của ông Thạch Xanh, bí thư Chi bộ ấp Sóc Giúp, ngày 26/5/2011).

Nhìn chung, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Bà My và Sóc Giúp được đánh giá là khá tốt. Sản lượng và hiệu quả kinh tế trên các cánh đồng có thể tăng gấp nhiều lần. Tuy nhiên, vấn đề đáng quan tâm ở đây, số cư dân địa phương chưa tiếp cận tốt và làm chủ được quá trình phát triển. Nếu nói về nguyên nhân di cư tại các vùng nông thôn hiện nay hẳn có rất nhiều lý do. Nhưng ở đây, trong sự chuyển đổi kinh tế của Sóc Giúp và Bà My, thanh niên và các gia đình trẻ người Khmer, phần lớn đã tham gia vào dòng người di cư mà mưu sinh tại các tỉnh/thành khác là một thực tế.

4. KẾT LUẬN

Hiện đại hóa nông thôn, nghèo đói, thay đổi sinh kế và di cư, đó là hiện tượng diễn ra trong vài thập niên qua ở vùng nông thôn, nơi có nhiều người Khmer sinh sống. Đã có nhiều hộ, nhiều cá nhân người Khmer, vốn là nông dân đang dần xa rời khỏi đồng ruộng và đời sống xã hội vốn mang tính cộng đồng và có bản sắc dân tộc ở nông thôn. Thực tiễn này, cũng chính là những thách thức không nhỏ cho chiến lược xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Để phát triển bền vững, xây dựng nông thôn mới không thể không quan tâm đến các giải pháp đáp ứng nhu cầu của đời sống vật chất. Tuy nhiên, việc xây dựng và nuôi dưỡng các giá trị văn hóa, xã hội cũng phải là trung tâm của mọi hiểu biết trong quá trình triển khai các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

Xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh của sự gia tăng dân số khiến cho nguồn lực đất đai hạn hẹp và đang gây sức ép lên chiến lược sinh kế của các hộ gia đình nông dân; hơn nữa, với sự hiện đại hóa nông thôn và những thay đổi trong cơ cấu vật nuôi cây trồng, xu hướng những người nghèo sẽ đứng ngoài lề. Do vậy, xây

³⁰ Tổng số hộ người Kinh ở Bà My chiếm tỷ lệ đông hơn người Kinh ở Sóc Giúp (trên 50 hộ). Có 4 hộ người Kinh rơi vào danh sách hộ nghèo ở Bà My.

³¹ Ấp Sóc Giúp có 386 hộ, với 1.656 nhân khẩu, trong đó có đến 98% là người dân tộc Khmer.

dựng nông thôn mới phải tính đến không làm tăng thêm tình trạng nghèo đói và phân hóa xã hội dẫn đến sự bất công bằng có thể ngày càng mở rộng và người nghèo có thể nhận ra rằng sinh kế của họ đã bị làm tổn hại, thể hiện trong sự rời chuyển khỏi vùng nông thôn của họ.

Những kết quả từ việc ứng dụng các phát minh hóa sinh liên quan đến công nghệ trồng trọt; sản lượng cao và hạt phát triển nhanh, phân bón, thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ; sử dụng máy móc tiết kiệm nhân lực chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, nông thôn mới hiện nay đang cần lắm các nguồn lực từ các phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội để đảm bảo các khả năng: bảo đảm sinh kế cho người nghèo; ngăn chặn sự mở rộng

của bất bình đẳng hiện còn phổ biến; mang lại những cơ hội mới cho người nghèo và người không có đất sản xuất, những cơ hội mà trước đây không sẵn có với họ; giúp bảo tồn các cộng đồng nông thôn và quan hệ xã hội có truyền thống tốt đẹp; đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa sinh kế/phi nông nghiệp ngay ở nông thôn để giảm di cư.

Hơn nữa, để tiếp cận sâu rộng hơn vấn đề phát triển ở nông thôn và để có những hiểu biết nông dân trong bối cảnh phát triển hiện nay, các quan sát và nghiên cứu cần tiếp cận liên ngành, chú ý nhiều hơn đến các dữ liệu *định tính*, thay vì tập trung vào các báo cáo thống kê, với các con số *định lượng* chưa làm rõ được bản chất và quá trình nảy sinh các vấn đề ở nông thôn và của người nông dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. De Haan, A, 2002, *Migration and livelihoods in historical perspective: A case study of Bihar, India*, Journal of Development Studies 38(5): 115–142.
2. Đỗ Thái Đồng-Vũ Trọng Khải-Phạm Bích Hợp, 2004, *Phát triển nông thôn Việt Nam từ làng xã truyền thống đến văn minh hiện đại*, NXB. Nông nghiệp.
3. Eder, J.F, 1993, *Family farming and household enterprise in a Philippine community, 1971–1988: Persistence or proletarianization?* Journal of Asian Studies 52(3): 647– 671.
4. Eder, J.F, 1999, *A generation later: Household strategies and economic change in the rural Philippines*. Honolulu: University of Hawai'i Press.
5. Griffin, K., A.R. Khan and A. Ickowitz, 2002, *Poverty and the distribution of land*, Journal of Agrarian Change 2(3): 279–330.
6. Hoàng Chí Bảo, 2004, *Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay*, NXB. Chính trị Quốc gia.
7. James C. Scott, 1976, *The Moral Economy of the Peasant: Rebellion and Subsistence in Southeast Asia*, Yale University Press,
8. Jeffrey, C. 2000, *Democratisation without representation? The power and political strategies of a rural elite in north India*, Political Geography 19: 1013–1036.
9. Kelly, P. 2000, *Landscapes of globalisation: Human geographies of economic change in the Philippines*. London: Routledge.
10. Ngân Hàng Thế Giới, 2003, *Chính sách đất đai cho tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo*, Hà Nội, NXB Văn hóa –Thông Tin
11. Trần Thị Thu Lương, 1994, *Chế độ sở hữu và canh tác ruộng đất ở Nam bộ nửa đầu thế kỷ XIX*, NXB. Thành Phố Hồ Chí Minh

12. Trần Văn Bôn, 1999, *Một số lễ tục dân gian người Khmer Đồng bằng Sông Cửu Long*, Hà Nội, NXB. Văn hóa Dân tộc.
13. Viện Khoa học Xã hội tại TP.HCM, 1990, *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*, TP.HCM, NXB. KHXH.
14. Viện Nghiên cứu Phát triển (nhiều tác giả), 2008, *Nông dân, nông thôn và nông nghiệp-những vấn đề đặt ra*, Hà Nội, NXB Tri Thức.
15. Viện sử học, 1977, *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Hà Nội, NXB. KHXH.
16. Viện Văn hóa, 1993, *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*, NXB. Tổng hợp Hậu Giang.
17. Viện Văn hóa, 1993, *Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng Sông Cửu Long*, Hà Nội, NXB. Văn hóa Dân tộc.